

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP LÝ THUYẾT SAU ĐẠI HỌC NĂM 2022
Bậc đào tạo: Chuyên khoa cấp II hệ tập trung khóa 34 (2020-2022)

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
1	1	03200114	Mai Thế Cảnh	15/06/1984	Chẩn đoán hình ảnh	7.58	
2	2	03200321	Vương Thu Hà	15/10/1988	Chẩn đoán hình ảnh	7.67	
3	3	03200136	Vũ Thị Hằng	20/04/1982	Chẩn đoán hình ảnh	7.17	
4	4	03200181	Nguyễn Thị Hiếu	01/09/1988	Chẩn đoán hình ảnh	7.00	
5	5	03200013	Đoàn Xuân Hiếu	26/09/1979	Chẩn đoán hình ảnh	7.00	
6	6	03200208	Nguyễn Khắc Hưng	06/07/1985	Chẩn đoán hình ảnh	5.50	
7	7	03200067	Lê Hồng Mạnh	12/02/1979	Chẩn đoán hình ảnh	6.17	
8	8	03200042	Phạm Hồng Minh	25/06/1987	Chẩn đoán hình ảnh	5.17	
9	9	03200315	Đặng Thị Bích Nguyệt	07/08/1986	Chẩn đoán hình ảnh	7.33	
10	10	03200009	Trần Thanh Thủy Nhân	04/02/1986	Chẩn đoán hình ảnh	6.42	
11	11	03200087	Trương Thị Thanh	14/12/1988	Chẩn đoán hình ảnh	7.67	
12	12	03200099	Đinh Trung Thành	01/10/1980	Chẩn đoán hình ảnh	6.83	
13	13	03200322	Vũ Thị Kim Thoa	03/09/1970	Chẩn đoán hình ảnh	6.08	
14	14	03200121	Bùi Hoàng Tú	06/09/1969	Chẩn đoán hình ảnh	7.58	
15	15	03200151	Nguyễn Thanh Vân	13/08/1988	Chẩn đoán hình ảnh	7.50	
16	1	03200265	Nguyễn Ngọc Diệp	17/07/1987	Da liễu	6.58	
17	2	03200139	Trương Văn Huân	14/08/1975	Da liễu	6.42	
18	3	03200246	Nguyễn Thị Thu Hương	12/12/1981	Da liễu	6.25	
19	4	03200119	Nguyễn Thùy Linh	19/12/1983	Da liễu	7.58	
20	5	03200036	Cao Bích Ngọc	15/12/1980	Da liễu	7.50	
21	6	03200153	Trần Thái Sơn	16/11/1976	Da liễu	5.58	
22	7	03200233	Phạm Hữu Thanh	01/02/1982	Da liễu	5.92	
23	8	03200065	Vũ Thanh Tùng	09/01/1974	Da liễu	7.75	
24	1	03200011	Trần Thị Phương Chi	04/01/1977	Dị ứng	7.50	
25	2	03200284	Trần Nhật Thành	28/08/1983	Dị ứng	8.08	
26	1	03200046	Bạch Ngọc Anh	31/12/1983	Gây mê hồi sức	6.44	
27	2	03200026	Nguyễn Cao Cường	12/01/1974	Gây mê hồi sức	6.44	
28	3	03200287	Ngô Mạnh Dinh	23/10/1984	Gây mê hồi sức	6.27	
29	4	03200269	Nguyễn Thị Thu Hằng	22/10/1982	Gây mê hồi sức	7.12	
30	5	03200199	Bùi Thị Hạnh	22/07/1985	Gây mê hồi sức	7.37	
31	6	03200150	Nguyễn Thị Hòa	06/06/1985	Gây mê hồi sức	6.27	
32	7	03200198	Nguyễn Đỗ Hùng	22/11/1979	Gây mê hồi sức	6.86	
33	8	03200243	Trần Đoàn Huy	04/08/1981	Gây mê hồi sức	5.93	
34	9	03200205	Trịnh Thu Huyền	26/07/1984	Gây mê hồi sức	7.88	
35	10	03200034	Đỗ Ngọc Lâm	13/07/1978	Gây mê hồi sức	6.69	
36	11	03200200	Nguyễn Đình Long	02/10/1982	Gây mê hồi sức	7.20	
37	12	03200052	Nguyễn Viết Nghĩa	09/08/1974	Gây mê hồi sức	6.95	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
38	13	03200188	Lê Thị Nguyệt	04/06/1982	Gây mê hồi sức	7.88	
39	14	03200222	Đỗ Đức Trung	09/05/1983	Gây mê hồi sức	6.02	
40	15	03200044	Nguyễn Thị Kim Yến	06/10/1989	Gây mê hồi sức	5.76	
41	16	03200194	Nguyễn Thị Thu Yến	29/09/1985	Gây mê hồi sức	6.86	
42	1	03200043	Trịnh Thị Hoài Nam	15/10/1987	Giải phẫu bệnh	9.17	
43	2	03200050	Nguyễn Thị Duyên	19/02/1991	Giải phẫu bệnh	8.08	
44	3	03200225	Hứa Thị Giang	25/03/1973	Giải phẫu bệnh	8.33	
45	4	03200144	Ngô Ngọc Hiếu	22/03/1977	Giải phẫu bệnh	7.58	
46	5	03200289	Ngô Thúy Hòa	17/02/1978	Giải phẫu bệnh	8.50	
47	6	03200201	Đặng Đức Thịnh	07/10/1990	Giải phẫu bệnh	9.17	
48	7	03200259	Nguyễn Tài Tiến	21/09/1979	Giải phẫu bệnh	8.00	
49	1	03200076	Nguyễn Thị Như Ái	01/07/1976	Hóa sinh Y học	5.92	
50	2	03200212	Phạm Thị Thu Hương	15/09/1984	Hóa sinh Y học	8.50	
51	3	03200070	Uông Thị Thu Hương	05/04/1976	Hóa sinh Y học	7.67	
52	4	03200182	Vũ Thị Ngân	28/09/1977	Hóa sinh Y học	8.00	
53	5	03200019	Lại Thị Tố Uyên	23/03/1976	Hóa sinh Y học	7.00	
54	6	03200154	Nguyễn Thị Xuân	24/02/1984	Hóa sinh Y học	7.92	
55	1	03200231	Nguyễn Tiến Dũng	02/09/1989	Hồi sức cấp cứu	7.67	
56	2	03200085	Nguyễn Đại Việt Đức	15/12/1982	Hồi sức cấp cứu	6.67	
57	3	03200014	Phạm Hữu Hiền	11/06/1984	Hồi sức cấp cứu	7.17	
58	4	03200135	Hà Mạnh Hùng	26/12/1977	Hồi sức cấp cứu	7.83	
59	5	03200089	Nguyễn Thái Long	31/01/1976	Hồi sức cấp cứu	6.83	
60	6	03200278	Nguyễn Thị Mai Ly	11/07/1982	Hồi sức cấp cứu	6.92	
61	7	03200020	Dương Vương Trung	06/08/1978	Hồi sức cấp cứu	7.17	
62	8	03200266	Phạm Thị Ánh Xuân	18/02/1977	Hồi sức cấp cứu	6.75	
63	1	03200016	Nguyễn Việt Dũng	29/09/1987	Huyết học - TM	8.08	
64	2	03200112	Đặng Thị Hà	25/10/1980	Huyết học - TM	6.08	
65	3	03200047	Thiều Thị Hằng	12/10/1981	Huyết học - TM	7.00	
66	4	03200184	Vũ Hoàng	18/09/1984	Huyết học - TM	7.92	
67	5	03200094	Hà Thị Thanh Huyền	01/04/1973	Huyết học - TM	5.08	
68	6	03200113	Đào Thị Thiết	16/09/1990	Huyết học - TM	7.92	
69	1	03200177	Dương Danh Bộ	05/01/1982	Lao	6.17	
70	2	03200111	Nguyễn Hữu Trí	10/07/1970	Lao	6.17	
71	1	03200250	Trần Tuấn Anh	30/10/1985	Ngoại - CTCH	7.08	
72	2	03200280	Đặng Trung Kiên	16/08/1988	Ngoại - CTCH	6.92	
73	3	03200290	Nguyễn Trần Quang Sáng	12/09/1984	Ngoại - CTCH	6.67	
74	4	03200027	Đỗ Việt Sơn	31/03/1981	Ngoại - CTCH	6.42	
75	5	03200311	Lương Toàn Thắng	15/05/1975	Ngoại - CTCH	6.25	
76	6	03200064	Nguyễn Đức Thế	10/06/1981	Ngoại - CTCH	8.33	
77	7	03200216	Nguyễn Ngọc Tiệp	01/12/1984	Ngoại - CTCH	7.08	
78	8	03200282	Nguyễn Mạnh Trường	02/06/1981	Ngoại - CTCH	5.67	
79	9	030750190042	Mạc Duy Hải	25/10/1984	Ngoại - CTCH	0.00	Không thi, CKII 33
80	1	03200221	Vũ Xuân Hoàn	27/09/1986	Ngoại - Nhi	8.07	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
81	2	03200002	Trần Đức Tâm	14/11/1986	Ngoại - Nhi	8.32	
82	1	03200295	Đỗ Tuấn Anh	20/01/1987	Ngoại - TK & SN	7.50	
83	2	03200252	Đoàn Quang Dũng	03/12/1981	Ngoại - TK & SN	7.58	
84	3	03200091	Nguyễn Tiến Dũng	10/06/1983	Ngoại - TK & SN	6.08	
85	4	03200268	Văn Đức Hạnh	31/12/1985	Ngoại - TK & SN	7.58	
86	5	03200253	Vũ Quang Hiếu	19/02/1970	Ngoại - TK & SN	6.83	
87	6	03200131	Đặng Việt Hồng	24/03/1979	Ngoại - TK & SN	7.08	
88	7	03200008	Trần Đình Phụng	17/10/1988	Ngoại - TK & SN	6.58	
89	8	03200156	Hoàng Minh Tân	15/03/1990	Ngoại - TK & SN	7.58	
90	9	03200106	Trần Quang Trung	20/03/1982	Ngoại - TK & SN	7.08	
91	1	03200234	Phạm Tấn Đức	14/07/1982	Ngoại Lồng ngực	6.75	
92	2	03200069	Hoàng Thanh Sơn	18/08/1975	Ngoại Lồng ngực	6.83	
93	1	03200093	Lê Anh Dũng	05/12/1985	Ngoại - Tiết niệu	7.67	
94	2	03200168	Phạm Văn Khiết	08/02/1982	Ngoại - Tiết niệu	7.75	
95	3	03200040	Chu Văn Lâm	12/11/1984	Ngoại - Tiết niệu	8.50	
96	4	03200084	Nguyễn Văn Linh	23/05/1989	Ngoại - Tiết niệu	7.00	
97	5	03200165	Trần Quang Mạnh	05/08/1982	Ngoại - Tiết niệu	7.42	
98	6	03200316	Võ Văn Minh	05/07/1987	Ngoại - Tiết niệu	6.67	
99	7	03200277	Trần Xuân Quang	22/11/1990	Ngoại - Tiết niệu	7.92	
100	8	03200081	Nguyễn Ngọc Sơn	11/07/1986	Ngoại - Tiết niệu	8.00	
101	9	03200053	Vũ Minh Uy	04/02/1984	Ngoại - Tiết niệu	7.67	
102	10	03200017	Trần Thương Việt	31/03/1982	Ngoại - Tiết niệu	8.08	
103	1	03200204	Nguyễn Đình Hưng	02/02/1985	Ngoại - Tiêu hoá	7.00	
104	2	03200260	Đỗ Trọng Khiếu	27/08/1982	Ngoại - Tiêu hoá	6.75	
105	3	03200247	Lê Trảng Lợi	04/10/1980	Ngoại - Tiêu hoá	6.08	
106	4	03200313	Nguyễn Trung Nghĩa	31/12/1989	Ngoại - Tiêu hoá	7.00	
107	5	03200152	Phạm Trung Thông	28/08/1985	Ngoại - Tiêu hoá	6.33	
108	6	03200312	Nguyễn Tiến Trung	10/04/1984	Ngoại - Tiêu hoá	6.92	
109	7	030750190039	Nguyễn Trường Giang	01/05/1986	Ngoại - Tiêu hoá	0.00	Không thi, CKII 33
110	1	03200007	Nguyễn Lương Ngọc Anh	24/07/1988	Nhân khoa	7.17	
111	2	03200078	Nguyễn Mạnh Đạt	22/02/1984	Nhân khoa	6.83	
112	3	03200080	Đặng Xuân Hoa	27/12/1971	Nhân khoa	5.75	
113	4	03200090	Nguyễn Văn Huỳnh	04/12/1983	Nhân khoa	6.92	
114	5	03200190	Ngô Hữu Phương	05/07/1981	Nhân khoa	7.00	
115	6	03200202	Trần Thị Thùy	15/10/1984	Nhân khoa	6.00	
116	7	03200176	Đinh Thị Thanh Vân	09/07/1984	Nhân khoa	6.67	
117	1	03200236	Phan Thị Hạnh	27/05/1985	Nội Hô hấp	9.08	
118	2	03200228	Nguyễn Văn Thắng	03/02/1985	Nội Hô hấp	8.42	
119	3	03200129	Nguyễn Mạnh Tường	03/01/1978	Nội Hô hấp	8.08	
120	4	03200021	Dương Thị Nguyệt Vân	17/06/1986	Nội Hô hấp	8.42	
121	1	03200055	Bùi Văn Dũng	22/11/1982	Lão khoa	6.67	
122	2	03200003	Trịnh Ngọc Duy	23/06/1984	Lão khoa	6.75	
123	3	03200161	Nguyễn Thị Minh Hải	20/04/1974	Lão khoa	6.92	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
124	4	03200088	Bùi Viên Sơn	27/08/1979	Lão khoa	6.42	
125	5	03200271	Vũ Duy Thương	16/12/1980	Lão khoa	7.08	
126	1	03200145	Trần Thị Bích Liên	05/10/1980	Nội Nội tiết	8.00	
127	2	03200307	Đoàn Thị Thúy Tình	24/08/1980	Nội Nội tiết	6.67	
128	1	03200060	Nguyễn Thị Lựu	15/02/1985	Nội thận - Tiết niệu	6.33	
129	2	03200035	Trần Thị Kiều Phương	23/06/1978	Nội thận - Tiết niệu	6.00	
130	3	03200159	Lý Thị Thoa	08/07/1986	Nội thận - Tiết niệu	6.17	
131	4	03200305	Ngô Thị Vân	05/11/1989	Nội thận - Tiết niệu	7.42	
132	1	03200164	Nguyễn Ánh Dương	15/11/1982	Nội Tiêu hoá	6.92	
133	2	03200310	Đậu Quang Liêu	10/08/1991	Nội Tiêu hoá	7.58	
134	3	03200079	Bùi Quang Thạch	05/09/1979	Nội Tiêu hoá	7.42	
135	4	03200012	Phạm Thị Thùy	14/10/1981	Nội Tiêu hoá	7.83	
136	5	032001190113	Mai Văn Hải	02/03/1983	Nội Tiêu hoá	7.33	CKII 33
137	6	032001190114	Vũ Hải Hậu	15/08/1984	Nội Tiêu hoá	7.17	CKII 33
138	1	03200325	Đỗ Thúy Cẩn	29/03/1979	Nội Tim mạch	7.50	
139	2	03200203	Vũ Thị Diện	10/01/1977	Nội Tim mạch	7.00	
140	3	03200041	Lương Hải Đăng	18/01/1981	Nội Tim mạch	6.42	
141	4	03200147	Trần Quang Định	30/07/1979	Nội Tim mạch	6.92	
142	5	03200163	Trịnh Thị Đông	16/07/1987	Nội Tim mạch	7.33	
143	6	03200077	Đậu Thị Hằng	20/05/1985	Nội Tim mạch	8.00	
144	7	03200160	Hoàng Văn Kỳ	28/06/1987	Nội Tim mạch	7.75	
145	8	03200326	Doãn Hữu Linh	23/06/1980	Nội Tim mạch	6.50	
146	9	03200279	Nguyễn Quang Minh	28/07/1988	Nội Tim mạch	7.42	
147	10	03200095	Lý Đức Ngọc	14/10/1981	Nội Tim mạch	6.25	
148	11	03200224	Tạ Hoàng Phong	19/08/1979	Nội Tim mạch	6.17	
149	12	03200187	Thái Thị Phương Thảo	24/06/1978	Nội Tim mạch	6.83	
150	13	03200304	Lê Thị Hoài Thu	11/09/1977	Nội Tim mạch	8.00	
151	14	03200286	Vũ Thị Trang	06/05/1987	Nội Tim mạch	7.58	
152	15	03200291	Hoàng Huy Tú	15/05/1979	Nội Tim mạch	7.00	
153	16	03200264	Nguyễn Hữu Tuấn	25/12/1980	Nội Tim mạch	6.92	
154	17	03200254	Nguyễn Đình Việt	19/05/1989	Nội Tim mạch	6.75	
155	1	03200320	Trịnh Huy Bình	12/02/1989	Nội xương khớp	9.08	
156	2	03200173	Phạm Thị Thu Hà	02/06/1984	Nội xương khớp	8.92	
157	3	03200037	Hoàng Thị Phương Thảo	03/03/1988	Nội xương khớp	9.00	
158	4	03200074	Phạm Thị Thanh Thảo	19/11/1985	Nội xương khớp	8.33	
159	5	03200217	Nguyễn Thị Thoa	19/01/1991	Nội xương khớp	8.42	
160	1	03200029	Bùi Bá Quang	18/09/1980	Phục hồi chức năng	6.17	
161	2	03200241	Nguyễn Thị Hoài Thu	03/09/1982	Phục hồi chức năng	6.33	
162	3	03200314	Hà Thuận	12/01/1982	Phục hồi chức năng	6.67	
163	4	03200143	Vũ Xuân Triển	25/07/1984	Phục hồi chức năng	7.75	
164	5	03200327	Huỳnh Văn Tý	10/12/1973	Phục hồi chức năng	5.83	
165	1	03200100	Nguyễn Công Bình	10/02/1976	Quản lý y tế	7.42	
166	2	03200301	Tạ Ngọc Hà	10/10/1972	Quản lý y tế	7.67	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
167	3	03200189	Trần Anh Thắng	12/07/1979	Quản lý y tế	6.08	
168	4	03200015	Lê Thị Thanh Xuân	15/08/1986	Quản lý y tế	7.50	
169	1	03200122	Nguyễn Thanh Bình	12/10/1978	Răng Hàm Mặt	5.75	
170	2	03200134	Nguyễn Thị Hoa	10/01/1985	Răng Hàm Mặt	6.75	
171	3	03200230	Đặng Thị Liên Hương	21/04/1984	Răng Hàm Mặt	7.25	
172	4	03200063	Trần Thị Nga Liên	22/04/1978	Răng Hàm Mặt	6.17	
173	5	03200171	Trịnh Đỗ Vân Ngà	05/09/1987	Răng Hàm Mặt	7.92	
174	1	03200235	Vương Thị Chung	19/07/1977	Sản phụ khoa	5.25	
175	2	03200073	Nguyễn Thị Thủy Chung	22/07/1988	Sản phụ khoa	7.75	
176	3	03200273	Nguyễn Thị Dung	12/09/1982	Sản phụ khoa	6.92	
177	4	03200033	Nguyễn Thị Thu Hà	16/12/1974	Sản phụ khoa	6.67	
178	5	03200211	Cao Thị Thúy Hà	04/09/1984	Sản phụ khoa	7.83	
179	6	03200059	Nguyễn Thị Thủy Hà	19/11/1982	Sản phụ khoa	7.00	
180	7	03200001	Nguyễn Thị Lương	28/03/1990	Sản phụ khoa	8.33	
181	8	03200039	Lê Thị Năm	21/04/1978	Sản phụ khoa	6.83	
182	9	03200249	Lê Thị Mai Phương	22/01/1979	Sản phụ khoa	7.33	
183	10	03200309	Bùi Thị Phụng	05/10/1987	Sản phụ khoa	7.08	
184	11	03200179	Ngô Anh Quang	07/11/1983	Sản phụ khoa	7.50	
185	12	03200086	Nguyễn Cơ Thạch	02/10/1983	Sản phụ khoa	7.75	
186	13	03200109	Ngô Minh Thắng	28/04/1983	Sản phụ khoa	7.33	
187	14	03200102	Nguyễn Thị Phương Thảo	27/08/1988	Sản phụ khoa	7.67	
188	15	03200148	Đỗ Thị Thuý	07/03/1980	Sản phụ khoa	6.83	
189	16	03200288	Phạm Thu Trang	28/02/1989	Sản phụ khoa	8.25	
190	17	03200138	Đồng Thu Trang	17/10/1986	Sản phụ khoa	6.58	
191	18	03200257	Cao Chí Trung	29/07/1982	Sản phụ khoa	6.42	
192	19	03200083	Trần Anh Tú	10/11/1974	Sản phụ khoa	6.50	
193	20	03200155	Hồ Văn Việt	01/05/1972	Sản phụ khoa	7.67	
194	21	03200274	Đỗ Cường Vượng	12/09/1980	Sản phụ khoa	6.33	
195	22	03200229	Phạm Thị Yên	20/04/1990	Sản phụ khoa	7.58	
196	23	031301190179	Hồ Thị Phương Thảo	18/01/1981	Sản phụ khoa	0.00	Không thi, CKII 33
197	1	03200071	Lã Quý Dân	26/10/1979	Tai - Mũi- Họng	6.67	
198	2	03200175	Nguyễn Thị Thu Đức	30/07/1982	Tai - Mũi- Họng	8.25	
199	3	03200126	Phạm Thị Hiền	12/02/1983	Tai - Mũi- Họng	7.33	
200	4	03200006	Phan Thị Thanh Hoa	10/07/1982	Tai - Mũi- Họng	7.25	
201	5	03200219	Nguyễn Thị Hoa Hồng	08/02/1985	Tai - Mũi- Họng	8.25	
202	6	03200025	Ma Chính Lâm	03/10/1983	Tai - Mũi- Họng	7.67	
203	7	03200183	Hà Minh Lợi	29/08/1977	Tai - Mũi- Họng	7.75	
204	8	03200096	Hoàng Hải Sơn	04/11/1978	Tai - Mũi- Họng	6.58	
205	9	03200128	Trần Xuân Sơn	10/04/1977	Tai - Mũi- Họng	7.83	
206	10	03200141	Nguyễn Đức Tài	11/08/1977	Tai - Mũi- Họng	6.67	
207	11	03200107	Trần Thị Phương Thảo	30/04/1979	Tai - Mũi- Họng	6.00	
208	12	03200118	Tạ Minh Tiến	16/07/1986	Tai - Mũi- Họng	6.17	
209	1	03200127	Nguyễn Trọng Hiến	04/11/1989	Tâm thần	8.17	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
210	2	03200051	Hoàng Thị Thu Hương	05/10/1986	Tâm thần	8.08	
211	3	03200232	Bùi Văn Lợi	03/12/1990	Tâm thần	8.67	
212	4	03200276	Vương Đình Thủy	18/06/1991	Tâm thần	7.67	
213	5	03200048	Nguyễn Thị Cẩm Tú	30/08/1985	Tâm thần	7.25	
214	6	03200240	Cao Thị Ánh Tuyết	14/06/1990	Tâm thần	7.67	
215	7	03200116	Nguyễn Thị Ái Vân	10/06/1989	Tâm thần	8.33	
216	1	03200319	Ngô Văn Dũng	16/06/1969	Thần kinh	8.25	
217	2	03200248	Nguyễn Duy Hiền	15/04/1985	Thần kinh	7.33	
218	3	03200120	Nguyễn Thị Hiền	22/08/1989	Thần kinh	8.25	
219	4	03200261	Doãn Thị Huyền	29/01/1980	Thần kinh	8.00	
220	5	03200191	Trịnh Thị Phương Lâm	02/05/1981	Thần kinh	7.33	
221	6	03200213	Hà Hữu Quý	01/06/1979	Thần kinh	7.08	
222	1	03200237	Ngô Văn An	07/08/1985	TN & CBNĐ	8.08	
223	2	03200262	Nguyễn Thanh Bình	12/10/1978	TN & CBNĐ	7.50	
224	3	03200281	Nguyễn Thị Ngọc Chi	02/01/1987	TN & CBNĐ	7.92	
225	4	03200239	Nguyễn Danh Đức	17/07/1985	TN & CBNĐ	8.08	
226	5	03200275	Hà Phúc Hòa	02/10/1979	TN & CBNĐ	8.25	
227	6	03200178	Đình Văn Huy	17/02/1982	TN & CBNĐ	8.67	
228	7	03200317	Lương Xuân Kiên	19/10/1975	TN & CBNĐ	7.42	
229	8	03200023	Nguyễn Văn Tình	05/10/1979	TN & CBNĐ	8.08	
230	9	03200137	Phạm Minh Tuấn	01/08/1982	TN & CBNĐ	7.92	
231	1	03200142	Đình Thị Lan Anh	17/10/1985	Ung thư	7.00	
232	2	03200296	Nguyễn Thị Kim Anh	06/04/1981	Ung thư	7.25	
233	3	03200215	Mai Tiến Đạt	04/12/1989	Ung thư	6.67	
234	4	03200110	Nguyễn Thị Dũng	02/10/1982	Ung thư	7.00	
235	5	03200297	Nguyễn Hoàng Gia	30/07/1988	Ung thư	6.67	
236	6	03200174	Vũ Đình Giáp	29/09/1984	Ung thư	6.25	
237	7	03200209	Nguyễn Thị Minh Hải	08/07/1984	Ung thư	6.67	
238	8	03200146	Trương Thị Thảo Hiền	30/06/1982	Ung thư	6.58	
239	9	03200323	Võ Quốc Hoàn	10/01/1988	Ung thư	7.17	
240	10	03200218	Đỗ Mạnh Hùng	30/04/1985	Ung thư	7.92	
241	11	03200068	Trần Đức Linh	29/05/1986	Ung thư	6.75	
242	12	03200292	Vũ Hải Linh	24/03/1987	Ung thư	6.25	
243	13	03200028	Nguyễn Thị Mai Lương	21/11/1983	Ung thư	6.33	
244	14	03200324	Đỗ Thị Thanh Mai	11/02/1990	Ung thư	7.00	
245	15	03200193	Nguyễn Thị Thanh Nhân	07/12/1981	Ung thư	7.08	
246	16	03200245	Nguyễn Thị Bích Phượng	06/01/1988	Ung thư	7.50	
247	17	03200108	Nguyễn Thế Tân	13/09/1989	Ung thư	6.00	
248	18	03200032	Dương Chí Thành	02/09/1990	Ung thư	6.50	
249	19	03200294	Trần Tuấn Thành	07/03/1985	Ung thư	8.25	
250	20	03200061	Nguyễn Hà Thường	07/04/1973	Ung thư	4.83	
251	21	03200283	Nguyễn Công Tín	15/05/1987	Ung thư	8.08	
252	22	03200196	Trần Đức Toàn	24/01/1990	Ung thư	8.17	

TT	TT CN	Số báo danh (Mã HV)	Họ tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
253	23	03200192	Phạm Khánh Toàn	10/12/1979	Ung thư	6.17	
254	24	03200238	Phạm Thị Thu Trang	24/01/1988	Ung thư	6.67	
255	25	03200285	Nguyễn Anh Tuấn	12/09/1980	Ung thư	6.50	
256	1	03200185	Nguyễn Thị Huyền	07/11/1981	Vi sinh y học	7.08	
257	2	03200195	H' Nương Niê	17/04/1984	Vi sinh y học	7.42	
258	3	03200242	Đào Quang Trung	19/05/1986	Vi sinh y học	7.42	
259	1	03200030	Lê Thị Hường	25/09/1985	Y học cổ truyền	8.75	
260	2	03200172	Phương Thị Thanh Loan	12/11/1981	Y học cổ truyền	8.33	
261	3	03200125	Trần Thị Minh Quyên	02/05/1984	Y học cổ truyền	6.92	
262	4	03200105	Lê Ngọc Sơn	06/01/1983	Y học cổ truyền	7.08	
263	5	03200220	Nguyễn Thị Thanh Vân	23/03/1985	Y học cổ truyền	8.17	
264	1	03200303	Nguyễn Ngọc Thắng	05/05/1985	Y học hạt nhân	6.67	
265	1	03200226	Trần Tuấn Anh	07/08/1990	Y pháp	9.83	

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP SĐH



Nguyễn Hữu Tú